

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Quy**.

2. Ông **Điều Hoàng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông **Trần Đình Phi Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M - sinh năm 1989, tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1953 và bà Vũ Thị C – sinh năm 1954; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: 02;

- Ngày 08/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xử phạt 15 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 77 ngày 20/9/2013, buộc Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 09 tháng tù. Ngày 03/02/2016 đã chấp hành xong.

- Ngày 28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù. Ngày 06/12/2017 đã chấp hành xong.

Về nhân thân:

- Ngày 19/3/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Ngày 10/04/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng 25 ngày tù giam.

- Ngày 18/05/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 15 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án huyện T, Đồng Nai xử phạt 33 tháng 25 ngày tù giam. Ngày 17/06/2011 đã chấp hành xong.

- Ngày 20/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 77 ngày 20/9/2013.

Bị bắt và tạm giam ngày 28/12/2017 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại:

1/ Anh **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1982; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu phố 1A, đường 26/3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2/ Anh **Trần Nhật K** - sinh năm 1983; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Nguyễn Văn S** – sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 4, thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

Người làm chứng:

1/ Anh **Trần Duy N** – sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2/ Anh **Nguyễn Bá D** – sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3/ Ông **Nguyễn Văn M** – sinh năm 1959; Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 23 giờ, ngày 27/12/2017, Nguyễn Văn M, Vũ Văn T, Đào Văn H, Lê Văn C cùng ngụ tại huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và hai đối tượng T, M chưa xác định được nhân thân lai lịch rủ nhau đi trộm cắp tài sản của các tài xế đỗ xe để ngủ dọc Quốc Lộ 20, tất cả đồng ý cụ thể như sau: T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter không rõ biển số chở Nguyễn Văn M còn T, H, M và Chiến cùng điều khiển chở nhau đi trên hai chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter không rõ biển số theo hướng Dầu Giây khi đến cây xăng Ngọc Hiện thuộc xã T, huyện Đ, lúc này khoảng 02 giờ sáng ngày 28/12/2017 thì phát hiện có xe ô tô tải biển số: 49C-029.69 do anh Nguyễn Văn C, đang đậu xe bên đường để ngủ. T dừng xe lại, M cầm một cây đèn Pin và một đoạn bẻ khóa cùng với M, T đến mở cửa xe (T là người trực tiếp mở cửa xe) trộm cắp một điện thoại di động Sony C5 của anh C rồi bỏ vào túi quần của T cất giữ và cùng nhau tiếp tục điều khiển xe quay lại về hướng Bảo Lộc, khi đến quán cơm T thuộc ấp 4, xã L, huyện Đ, thấy có xe ô tô loại 07 chỗ biển số: 60A- 403.34 do anh Trần Nhật K đang đậu xe bên đường để ngủ. Tất cả dừng xe lại M, T, M đi đến xe ô tô biển số: 60A- 403.34, M dùng đá chặn bánh xe ô tô, M đi đến cửa xe phía bên tài, T đi đến cửa xe phía bên ghế phụ, thấy kính xe mở và anh K đang ngủ ôm trên người cái túi xách màu đen, M dùng tay thò qua cửa xe lấy túi xách màu đen của anh K rồi cùng M, T chuẩn bị ra xe mô tô H, T, C chờ sẵn gần đó để tẩu

thoát, đi được khoảng 04m bị lực lượng công an tuần tra phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn M cùng tang vật vụ án còn những đối tượng T, H, M, C cùng nhau điều khiển xe trốn thoát.

Tài sản thiệt hại: Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận về giá của tài sản thiệt hại như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony C5 đã qua sử dụng trị giá 4.000.000 đồng và chi phí làm sim là 30.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 đã qua sử dụng trị giá 2.000.000 đồng và chi phí làm sim là 30.000 đồng; Giỏ sách màu đen, không nhãn hiệu trị giá là 50.000 đồng; số tiền 58.886.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 64.996.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Sony C5; 01 điện thoại di động hiệu samsung J7 màu trắng, vàng; Số tiền 58.886.000 đồng; 01 điều đoãn dùng để mở khóa và 01 đèn pin.

Tại cáo trạng số 30/CT-VKS-HS ngày 05/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội và bổ sung quyết định truy tố đối với bị cáo thêm điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự và giữ nguyên các phần khác của Quyết định đã truy tố; Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp cụ thể như sau:

Căn cứ điểm c, e, khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy 01 điều đoãn dùng để mở khóa và 01 đèn pin.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 một điện thoại di động Sony C5 và một túi xách màu đen trong đó có số tiền 58.886.000 đồng theo như kết luận của Hội đồng định giá là chính xác. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Tại phiên tòa bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không yêu cầu hay thắc mắc khiếu nại gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

[2] Về tính hợp pháp những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và những người tham gia tố tụng cung cấp: Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Những chứng cứ do bị cáo cung cấp là hợp pháp.

[3] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 23 giờ, ngày 27/12/2017, Nguyễn Văn M cùng các đối tượng là T, T, H, M và Chiến đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn C một điện thoại di động Sony C5 và chiếm đoạt của anh Trần Nhật K một túi xách màu đen trong đó có số tiền 58.886.000 đồng. Tổng tài sản bị thiệt hại là: 64.996.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ để kết tội bị cáo và kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Tại bản án số 28/2017/HSST ngày 28/02/2017 xác định bị cáo là tái phạm, sau khi chấp hành xong bản án này bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá trên 50.000.000 đồng và dưới 200.000.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo là tái phạm nguy hiểm và phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trao trả cho chủ sở hữu, bị cáo đã khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự như: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, Cha mẹ bị cáo M là người có công với cách mạng (Cha bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ tham gia lực lượng thanh niên xung phong từ 1971-1973). Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

- Anh Trần Nhật K đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu samsung J7 màu trắng, vàng và số tiền 58.886.000 đồng. Anh K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại hay thắc mắc gì khác vì vậy không xem xét không giải quyết.

- Đối với anh Nguyễn Văn C bị thiệt hại 01 điện thoại di động hiệu Sony C5, trị giá 4.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S là anh trai ruột của bị cáo đã bồi thường cho anh C số tiền nêu trên, anh C đã nhận đủ và không có yêu cầu gì khác, anh S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền trên, do đó không xem xét.

- Đối với Nguyễn Văn M, Vũ Văn T, Đào Văn H, Lê Văn C và hai đối tượng T, M cùng 03 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exiter không rõ biển số hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được và chưa thu hồi được 03 xe mô tô nói trên nên tách hồ sơ khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[6] Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điều đoản dùng để mở khóa và 01 đèn pin là công cụ dùng vào việc phạm tội, do đó tịch thu tiêu hủy.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn M 03 (ba) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 điều đoản dùng để mở khóa và 01 đèn pin.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 30/QĐ-VKS-HS ngày 05/4/2018; biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/4/2018).

3. Về án phí:

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Nhật K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự Đ;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng.

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn